

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày 21-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Thọ.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Bà Lại Thị Kim Dung.
 2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Ngọc S, sinh năm 1977 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn K, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc X và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Đoàn Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/12/2022 và bị tạm giam từ ngày 06/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:**
 1. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.
 2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
 3. Chị Phạm Thu U, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
 4. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
 5. Chị Vũ Thị Thanh Th, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020 Đỗ Ngọc S có quen với chị Vũ Thị T, sinh năm 1982 ở thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam sau đó phát sinh tình cảm và chung sống cùng với nhau tại nhà chị T. Trong thời gian chung sống, S biết chị T có một số đồ trang sức bằng vàng được cất trong két sắt kê ở trong buồng ngủ còn chìa khóa két sắt được để trong ngăn kéo bàn trang điểm. Do không có tiền chi tiêu cá nhân, khoảng tháng 9/2022 S nảy sinh ý định trộm cắp nữ trang của chị T mang đi bán nên S đi đến khu vực vườn hoa thành phố Phủ Lý hỏi người thợ sửa khóa cách mở két sắt (S không biết tên, tuổi địa chỉ của người này). Sau khi nghe S mô tả đặc điểm két sắt, người thợ khóa nói với dạng két này thường có một vài mật mã phổ biến hay được dùng thì S ghi lại vào một tờ giấy mang về. Ngày 21/9/2022, lợi dụng thời điểm chị T đi làm, S lấy chìa khóa két sắt cắm vào ổ khóa két sắt rồi dò theo từng mật mã hỏi được từ trước thì mở được két sắt. Khi mở được két sắt, S lấy ra từ bên trong két sắt gồm: 02 chiếc nhẫn bằng vàng ta (mỗi nhẫn 01 chỉ), 02 nhẫn cưới bằng vàng tây và 01 chiếc lắc tay bằng vàng tây rồi khóa két sắt lại mang hai chiếc nhẫn vàng ta đến bán cho hiệu vàng “N C” được số tiền 10.400.000 đồng; bán 01 chiếc lắc bằng vàng tây và 01 cặp nhẫn cưới bằng vàng tây cho hiệu vàng “D H” được 5.000.000 đồng. Số tiền trên S đã chi tiêu cá nhân hết. Sáng ngày 22/9/2022 chị T kiểm tra két sắt, phát hiện mất vàng nên gọi cho S, S thừa nhận đã lấy trộm vàng của chị T. Chị T yêu cầu S trả lại vàng nhưng S không trả. Ngày 28/12/2022 chị T đã đến Công an xã Văn Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để trình báo sự việc.

Công an xã Văn Xá đã thu giữ đồ vật, tài sản gồm:

- Tạm giữ của chị Vũ Thị T gồm: 01 biên bản xác nhận cầm tiền và cam kết trả tiền, 01 biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ là giấy tờ nhận nợ giữa gia đình chị T với Đỗ Ngọc S.

- Tạm giữ của Đỗ Ngọc S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, bên trong có 01 sim Vinaphone, 01 sim VietNammobi, 01 thẻ nhớ micro 01 Gb, niêm phong trong phong bì ký hiệu M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bên trong có 01 sim Viettel và 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Samsung Galaxy Watch, niêm phong trong phong bì ký hiệu M2.

Ngày 28/12/2022 Công an xã Văn Xá bàn giao tổ giác và tài liệu, đồ vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Sau khi tiếp nhận tài liệu, đồ vật do Công an xã Văn Xá bàn giao, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tiếp tục tạm giữ của chị Vũ Thị T 02 áo cộc tay màu cỏ úa, bên trong có tem ghi chữ Cục quân nhu, cổ áo có ve hàm quản lý thị trường; 02 quần dài màu cỏ úa đậm bên trong có tem ghi chữ C.T.MAY.DL; 02 cầu vai màu vàng đen, trên mỗi cầu vai có 01 gạch và 02 sao vàng 5 cánh; 01 biển tên ghi chữ Đỗ Ngọc S. Đây là quần áo,

cầu vai và biển tên S nói là đồng phục của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Nam. Hàng ngày S mặc bộ này và nói là đi làm. Tạm giữ của chị Vũ Thị Thanh Th 15 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn Zalo từ ngày 27/4/2021 đến ngày 12/8/2021 giữa chị Th với S thể hiện việc mua xe chuyển tiền và trả lại tiền.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án còn xác định ngoài hành vi trộm cắp tài sản của chị T ngày 21/9/2022, trước đó Đỗ Ngọc S còn thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Cũng trong thời gian ở nhà chị T, do khó khăn về kinh tế, mặc dù làm nghề lao động tự do và chưa từng làm việc trong cơ quan nhà nước nhưng Sang đã giới thiệu mình với gia đình chị T đang làm cán bộ công tác tại Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Nam. Để gia đình chị T tin tưởng, S đã mua 02 bộ trang phục cũ của Quản lý thị trường của người bán hàng rong đồ cũ ở thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Hàng ngày S mặc trang phục Quản lý thị trường, đeo biển tên (biển tên S có từ thời gian trước, khi còn làm bảo vệ) giả vờ đi làm. Khoảng tháng 3/2021, S nhìn thấy 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Innova và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda city, S chụp hình ảnh chiếc xe Innova rồi gửi cho anh Phạm Văn H (là con trai chị T) và hỏi H có thích xe này không. Khi về nhà, S nói với chị T, anh H và chị Phạm Thu U (vợ H) ở cùng thôn “*Hiện cơ quan của S có 02 xe ô tô đang thanh lý (01 chiếc xe Innova và 01 chiếc xe Honda city), bán đấu thầu với giá 250.000.000 đồng/01 xe*” nếu H có nhu cầu mua xe để chạy dịch vụ thì S sẽ giúp đấu thầu chiếc xe Innova. Chị T nói với S, H và U mới cưới chưa có nhiều tiền thì S bảo có bao nhiêu tiền cứ đưa cho S còn thiếu thì S sẽ bù. H, U đồng ý hẹn đến tháng 4/2021 sẽ nhờ chị T chuyển tiền hộ. Cũng trong thời gian này, chị Vũ Thị Thanh Th(em gái chị T) có nghe S nói về việc thanh lý xe nên đã đến nhờ S mua giúp chiếc xe Honda city. S nói với chị Th chi phí đấu thầu là 250.000.000 đồng, đặt cọc trước 125.000.000 đồng, 10.000.000 đồng để biểu sếp và 7.000.000 đồng để làm hồ sơ sang tên đổi chủ. Chị Th đồng ý và nói sẽ chuyển khoản cho S thì S lấy lý do tài khoản ngân hàng đang bị khóa và bảo chị Th chuyển tiền vào tài khoản của chị T. Từ ngày 24/3/2021 đến ngày 31/3/2021 chị Th chuyển khoản 03 lần tổng cộng số tiền 142.000.000 đồng vào tài khoản của chị T, sau đó chị T rút tiền giao lại cho S. Khoảng giữa tháng 4/2021 anh H, chị U nhờ chị T giao tiền 02 lần cho S số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền S hứa với chị Th, anh H, chị U đến ngày 01/5/2021 sẽ mua được xe ô tô. Quá hẹn, không thấy S nói gì đến việc mua xe ô tô, chị Th, anh H, chị U nhiều lần thúc giục thì S đưa ra nhiều lý do như: Đang dịch bệnh, Sếp đi công tác nên chưa mua được.

Để kéo dài thời gian, khoảng đầu tháng 7/2021, S tiếp tục nói với chị T, anh H, chị U “*Đang có 02 suất xin vào biên chế Quản lý thị trường tỉnh Hà Nam, chi phí khoảng 300.000.000 đồng*” S có ý định xin cho chị U vào làm ở đó. Chị T, anh H, chị U nói gia đình không có khả năng lo số tiền lớn như vậy thì S nói sẽ chuyển số tiền định mua ô tô để lo việc cho chị U thì chị U, H đồng

ý. Đến cuối tháng 7/2021 do cần tiền chi tiêu cá nhân, S gặp chị T, anh H, chị U nói “*Con xem có đưa thêm cho người ta được không, số tiền như thế thì ít quá*” H nói “*Thế để vợ chồng con vay thêm*”. Khoảng 01 tháng sau, anh H, chị U đưa cho S số tiền 47.000.000 đồng, S hẹn đến tháng 01/2022 thì U sẽ có Quyết định đi làm tại Quản lý thị trường tỉnh Hà Nam.

Quá trình xin việc, S bảo chị U làm hồ sơ xin việc (do U tự mua hồ sơ và đưa cho S). Đến tháng 01/2022, U không được đi làm, U hỏi thì S nói “*Hiện S đang bị đình chỉ công việc do xin cho người nhà vào làm việc tại cơ quan nên việc xin việc của U bị ảnh hưởng*”. Khoảng tháng 06/2022 vợ chồng U có hỏi S bao giờ đi làm, tuy nhiên do S biết rõ không có khả năng xin việc cho U nên nói dối là “*Xin việc ở cơ quan lâu, không như ở ngoài, khi nào được ông bảo thì đi*”. U và H nói “*Con không xin việc nữa, ông bảo người ta gửi lại tiền*”. Do đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 112.000.000 đồng, S tiếp tục nói dối anh H, chị U là tiền đã chuyển lên bộ và hẹn sẽ lên lấy lại để trả cho H và U. Ngày 27/12/2022, chị T, anh H, chị U yêu cầu S phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền 112.000.000 đồng, S hứa đến ngày 15/02/2023 sẽ trả tiền nên hai bên thống nhất lập biên bản xác nhận nợ và hẹn ngày trả. Trên thực tế, sau khi nhận được số tiền 142.000.000 đồng của chị Th và 112.000.000 đồng của anh H, chị U, S đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Khoảng đầu tháng 8/2021 không thấy S thông báo gì về việc mua xe ô tô, chị Th gọi điện hỏi thì S nói bản thân không mua được xe thanh lý, chị Th cùng chồng là anh Nguyễn Văn P đến gặp và yêu cầu S trả lại số tiền 201.000.000 đồng, trong đó có 142.000.000 đồng chuyển cho S để mua xe ô tô thanh lý còn 59.000.000 đồng là tiền S vay để chi tiêu cá nhân. Ngày 11/8/2021 S trả cho chị Th số tiền 50.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/8/2021 sẽ trả tiếp. Ngày 14/8/2021 anh P và chị Th gặp S đòi tiền thì S nói hiện chưa có tiền nên xin khát nợ, trả dần. Anh P, chị Th đồng ý và lập biên bản xác nhận nợ, hẹn đến ngày 28/9/2021 sẽ trả số tiền 151.000.000 đồng còn lại. Ngày 30/9/2021, S nói với chị T bản thân chưa có tiền để trả nợ nên chị T đồng ý cho S vay số tiền 50.000.000 đồng để trả cho vợ chồng chị Th.

Ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng yêu cầu Hội đồng định giá huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam: Xác định giá thị trường tại thời điểm tháng 09/2022 của 02 nhẫn vàng 9999, loại 01 chỉ/01 nhẫn; 02 nhẫn cưới vàng tây, 01 lắc tay vàng Tây hình tròn:

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Bảng, kết luận:

- “- Theo giá thị trường hiện tại thời điểm tháng 9/2022:
- + 02 nhẫn vàng 9999, loại 01 chỉ/01 nhẫn có giá: 10.400.000 đồng.
- + 02 nhẫn cưới vàng Tây và 01 lắc tay vàng Tây hình tròn do không có thông tin về loại vàng, trọng lượng nên không đủ căn cứ định giá”.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT - VKSKB ngày 06/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Đỗ Ngọc S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 09 năm đến 09 năm 09 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Vũ Thị T số tiền 17.400.000 đồng và trả nợ chị T số tiền 50.000.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Văn H và chị Phạm Thu U số tiền 112.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn P và chị Vũ Thị Thanh Th số tiền 101.000.000 đồng. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 02 áo cộc tay, 02 quần dài, 02 cầu vai, 01 biển tên; trả lại cho bị cáo S 01 điện thoại Oppo, 01 điện thoại Nokia, 01 đồng hồ đeo tay, song tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng để đảm bảo thi hành án về phần án phí và phần dân sự; tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 biên bản xác nhận cầm tiền và cam kết trả tiền, 01 biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ, 15 tờ giấy A4 in.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Ngọc S khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí bồi thường cho chị T số tiền 17.400.000 đồng và trả nợ chị T số tiền 50.000.000 đồng; nhất trí bồi thường cho anh H và chị U số tiền 112.000.000 đồng; nhất trí bồi thường cho anh P và chị Th số tiền 101.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại là chị Vũ Thị T trình bày: Do chồng chị đã chết từ lâu, năm 2020 chị quen biết với Đỗ Ngọc S, do S nói là vợ S đã chết và S có tình cảm với chị nên chị đã đồng ý chung sống với S tại nhà của chị. Quá trình chung sống S đã cố tình đánh bóng hình ảnh để người thân trong gia đình chị tin tưởng, sau đó S đã lừa đảo để chiếm đoạt tiền của vợ chồng con trai chị và của vợ chồng em gái chị, ngoài ra S còn trộm cắp vàng trong két sắt của chị đúng như bị cáo đã thừa nhận. Nay chị yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho chị số vàng đã trộm cắp không thu hồi được với tổng giá trị bằng tiền là 17.400.000 đồng và phải trả nợ cho chị số tiền 50.000.000 đồng là tiền Sang vay của chị để trả nợ cho vợ chồng chị Vũ Thị Thanh Th; ngoài ra chị T yêu cầu S phải bồi thường toàn bộ tiền đã chiếm đoạt của vợ chồng anh H, chị U là 112.000.000 đồng và chiếm đoạt của vợ chồng anh P, chị Th là 101.000.000 đồng. Về hình

sự chị T đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Đỗ Ngọc S tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, biên bản thu giữ vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Từ tháng 3/2021 đến tháng 7/2021, tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam, lợi dụng lòng tin của anh Phạm Văn H, sinh năm 2001 cùng vợ là chị Phạm Thu U, sinh năm 2000 và anh Nguyễn Văn P sinh năm 1980 cùng vợ là chị Vũ Thị Thanh Th sinh năm 1990, bị cáo Đỗ Ngọc S đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của vợ chồng anh H, chị U số tiền 112.000.000 đồng, chiếm đoạt của vợ chồng anh P, chị Th số tiền 142.000.000 đồng. Tổng số tiền Đỗ Ngọc S chiếm đoạt là 254.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2022, tại nhà chị Vũ Thị T, lợi dụng lúc chị T đi làm, Đỗ Ngọc S đã mở két sắt trộm cắp của chị T 02 chiếc nhẫn vàng ta loại 01 chỉ trị giá 10.400.000 đồng và 01 chiếc lắc tay bằng vàng Tây và 02 chiếc nhẫn cưới bằng vàng Tây, tuy nhiên không đủ căn cứ để định giá. Tổng trị giá tài sản S trộm cắp là 10.400.000 đồng.

Tính chất, mức độ tội phạm bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tâm lý hoang mang cho người dân trong việc quản lý tài sản, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, các hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần, mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần xử phạt nghiêm bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất, mức độ các tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, cần tổng hợp hình phạt của hai tội để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Vũ Thị T yêu cầu bị cáo S phải bồi thường 02 chiếc nhẫn bằng vàng ta số tiền 10.400.000 đồng; 01 chiếc lắc bằng vàng tây số tiền 5.000.000 đồng; 02 chiếc nhẫn cưới bằng vàng tây số tiền 2.000.000 đồng và trả lại số tiền 50.000.000 đồng chị T cho S vay trả nợ cho chị Th. Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thu U yêu cầu S bồi thường số tiền 112.000.000 đồng là tiền mua xe và xin việc. Anh Nguyễn Văn P và chị Vũ Thị Thanh Th yêu cầu S bồi thường số tiền 101.000.000 đồng là tiền mua xe và tiền S vay để chi tiêu cá nhân. Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Ngọc S nhất trí bồi thường và trả nợ số tiền theo yêu cầu của những người bị hại, vì vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường và trả nợ số tiền theo yêu cầu nêu trên của chị T, anh H, chị U, anh P, chị Th.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 áo cộc tay, 02 quần dài, 02 cầu vai, 01 biển tên là công cụ bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, đến nay không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động Oppo, 01 điện thoại di động Nokia, 01 đồng hồ đeo tay là tài sản chính đáng của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo, song cần tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng để đảm bảo thi hành án về phần án phí và phần dân sự đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

[7.1] Đối với chị Vũ Thị T đã chung sống như vợ chồng với Đỗ Ngọc S từ năm 2020 cho đến tháng 9/2022, trước khi chung sống S nói với chị T vợ S đã

chết do tai nạn giao thông. Còn S chung sống với chị T, khi đó chồng chị T đã chết. Việc chung sống đó không làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa Đỗ Ngọc S với vợ là chị Đoàn Thị N, sinh năm 1977 ở thôn K, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam dẫn đến ly hôn. Mặt khác, chị T và S chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nên không đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm chế độ một vợ, một chồng*” quy định tại khoản 1 Điều 182 Bộ Luật Hình sự.

[7.2] Đối với người thợ sửa khóa ở khu vực vườn hoa Phủ Lý thuộc địa bàn phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã hướng dẫn S cách mở kết sắt, bản thân S không biết họ, tên, tuổi đặc điểm nhận dạng của người này. Mặt khác, qua xác minh ở vườn hoa Phủ lý hiện các đối tượng sửa khóa không còn xuất hiện. Số đối tượng này không phải ở địa phương nên không xác định được lý lịch cụ thể. Đối với 02 bộ trang phục Quản lý thị trường cũ, S khai đã mua của người bán hàng rong đồ cũ ở thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhưng S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự. Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Căn cứ các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ các điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 28/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc S phải: Bồi thường cho chị Vũ Thị T số tiền 17.400.000 đồng và trả nợ chị T số tiền 50.000.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Văn H và chị Phạm Thu U số tiền 112.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn P và chị Vũ Thị Thanh Th số tiền 101.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 áo cộc tay màu cỏ úa bên trong có tem ghi chữ Cục quân nhu, cổ áo có ve hàm Quản lý thị trường; 02 quần dài màu cỏ úa bên trong có tem ghi chữ C.T.MAY.DL; 02 cầu vai màu vàng đen, trên mỗi cầu vai có 01 gạch và 02 sao năm cánh vàng; 01 biển tên ghi chữ Đỗ Ngọc S.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Ngọc S 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Samsung Galaxy Watch; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, bên trong có 01 sim Vinaphone và 01 sim Vietnamobi và 01 thẻ nhớ Micro 01Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel, song cần tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo về phần án phí và phần dân sự.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo và bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Kim Bảng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đức Thọ

